

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 79/2022/HSPT

Ngày: 23/8/2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng, bà Vũ Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

- Tại điểm cầu thành phần:

1. Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

2. Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và điểm cầu thành phần là Trại giam giam Công an tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Trần Quốc Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

* ***Bị cáo kháng cáo: Trần Quốc Đ***, sinh năm 1993 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn L và bà Lê Thị K; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 31/12/2021, có mặt.

**** Bị hại:***

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 1/49 B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

5. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Đều vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh H, có mặt.

* *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H, chị Bùi Thị Kim A, chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị L, anh Đoàn Văn K (không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc Đ làm nghề lao động tự do nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên tự đưa ra thông tin mình là nhân viên ngân hàng và có thể làm thủ tục vay tiền ngân hàng không cần thế chấp tài sản, chỉ cần có chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. Khi có người nhờ làm thủ tục vay tiền thì Đ yêu cầu người vay phải trả tiền chi phí làm hồ sơ để chiếm đoạt số tiền đó. Từ ngày 22/11/2021 đến ngày 21/12/2021, Đ đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Hành vi thứ nhất: Khoảng tháng 11/2021, thông qua chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc H gọi đến số điện thoại 0981268240 của Đ và kết bạn Zalo với Đ để nhờ Đ làm thủ tục vay số tiền 200.000.000 đồng không cần thế chấp tài sản. Đ bảo chị H gửi ảnh CCCD và nộp phí làm hồ sơ là 15.650.000 đồng. Ngày 24/11/2021, ngày 27/11/2021 và ngày 29/11/2021, chị H sử dụng ứng dụng internetbanking trên điện thoại di động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng T số 19034504523015 của chị H đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ với số tiền chuyển lần lượt là 5.450.000 đồng, 3.000.000 đồng, 2.000.000 đồng. Chị H hỏi vay và nhờ anh Phạm Xuân C chuyển cho Đ số tiền 5.200.000 đồng nên anh C đã sử dụng ứng dụng Internetbanking trên điện thoại di động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M số 3391239999 của anh C đến các tài khoản sau: Ngày 05/12/2021 và ngày 07/12/2021, anh C chuyển đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ với số tiền chuyển lần lượt là 3.000.000 đồng và 1.200.000 đồng. Ngày 08/12/2021, anh C chuyển đến tài khoản ngân hàng B số 46510000626981 của Chu Văn O - sinh năm 1998 ở xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, O đã chuyển 1.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng B số 46510000626981 của O đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ.

Hành vi thứ hai: Thông qua chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Phạm Xuân C làm quen, kết bạn Zalo với Đ và nhờ Đ làm thủ tục vay 200.000.000 đồng. Đ yêu cầu anh C nộp

16.000.000 đồng gồm phí dịch vụ là 10.000.000 đồng và phí giải ngân là 6.000.000 đồng. Ngày 29/11/2021 và ngày 07/12/2021, anh C sử dụng ứng dụng Internetbanking trên điện thoại di động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M số 3391239999 của anh C đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ với số tiền chuyển lần lượt là 5.000.000 đồng và 6.000.000 đồng. Anh C nhờ chị Nguyễn Thị S chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M số 1010197377777 của chị S đến tài khoản ngân hàng V 1022734714 của Đ.

Hành vi thứ ba: Do là bạn bè với nhau nên sau khi biết thông tin Đ có thể làm thủ tục vay tiền không cần thế chấp tài sản thì anh Bùi Văn H đã nhờ anh Phạm Xuân C trao đổi với Đ làm thủ tục vay 50.000.000 đồng. Đ yêu cầu anh H nộp phí làm thủ tục là 3.000.000 đồng. Anh H đồng ý và đưa cho anh C 3.000.000 đồng để chuyển cho Đ. Ngày 02/12/2021, anh C sử dụng ứng dụng Internetbanking trên điện thoại di động chuyển 1.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M số 3391239999 của anh C đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ. Ngày 05/12/2021, anh C nhờ chị Nguyễn Thị S chuyển 1.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M số 1010197377777 của chị S đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ.

Hành vi thứ tư: Qua mạng xã hội Facebook, Đ biết anh Nguyễn Thanh S đang có nhu cầu vay tiền nên đã sử dụng số điện thoại 0981268240 gọi đến số điện thoại 0936869978 của anh S và tự giới thiệu mình là nhân viên ngân hàng làm chỗ chị Th ở V thành phố H. Khi anh S nhờ Đ làm thủ tục vay 150.000.000 đồng thì Đ yêu cầu anh S nộp phí là 5.000.000 đồng qua dịch vụ chuyển tiền bưu điện. Ngày 22/11/2021, anh S đến bưu điện T, thành phố H gửi số tiền 5.000.000 đồng theo số điện thoại 0981268240. Sau đó Đ và anh S gặp nhau tại ngân hàng V ở số 66 N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Đ hướng dẫn anh S mở một tài khoản ngân hàng và hứa sau khi làm xong thủ tục vay tiền thì ngân hàng sẽ chuyển tiền vào số tài khoản vừa mở. Đ sử dụng hai chiếc điện thoại, một chiếc điện thoại lưu trong danh bạ là “T ngân hàng” để nhắn tin đến số điện thoại của Đ ở chiếc điện thoại còn lại với nội dung “*chuyển cho chị T 6.350.000đ vào tài khoản ngân hàng V số 208975908 mang tên Đoàn Văn K*”. Đ nói với anh S là chị Th yêu cầu chuyển số tiền trên để làm thủ tục vay. Anh S sử dụng ứng dụng internetbanking trên điện thoại di động chuyển 6.350.000 đồng từ tài khoản ngân hàng S số 30400014808680 của anh S đến tài khoản số 208975908 của anh K. Sáng ngày 23/11/2021, Đ gọi điện cho anh S lấy lý do chưa nhận được số tiền 5.000.000 đồng gửi qua bưu điện và yêu cầu anh S chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản của anh K. Anh S nhờ chị Bùi Thị Kim A chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V số 1012732970 của chị Kim A đến tài khoản số 208975908 của anh K. Sau đó Đ nói với anh S muốn vay nhanh thì phải mất thêm tiền nên anh S nhờ chị Nguyễn Thị L chuyển 4.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng T số 19033568125017 của chị L đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ. Tổng số tiền anh S chuyển cho Đ là 20.350.000

đồng. Sau khi nhận được tiền, anh K đã chuyển 6.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ; đưa 5.000.000 đồng tiền mặt cho Đ và trừ 350.000 đồng vào tiền taxi Đ nợ trừ trước.

Hành vi thứ năm: Qua mạng xã hội Facebook, Đ biết thông tin của anh Nguyễn Văn Đ. Ngày 18/12/2021, Đ sử dụng số điện thoại 0981268240 gọi đến số điện thoại 0961820471 của anh Đ và tự giới thiệu mình là nhân viên ngân hàng có thể làm thủ tục vay tiền không cần thế chấp tài sản. Anh Đ nhờ Đ làm thủ tục vay 100.000.000 đồng thì Đ yêu cầu anh Đ nộp cho Đ 12.500.000 đồng gồm phí làm hồ sơ vay là 10.000.000 đồng và phí riêng cho Đ là 2.500.000 đồng. Ngày 21/12/2021, anh Đ đến bưu điện huyện G, tỉnh Bắc Ninh chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ. Tối ngày 21/12/2021, anh Đông nhờ chị Nguyễn Thị H chuyển 2.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V số 1020537381 của chị H đến tài khoản ngân hàng V số 1022734714 của Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đ 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2021. Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/7/2022, bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại cấp phúc thẩm ông Trần Văn L là bố bị cáo giao nộp lời khai xác nhận của anh Nguyễn Thanh S và anh Nguyễn Văn Đ là những bị hại việc đã nhận tiền bồi thường của ông L bồi thường thay bị cáo số tiền 32.850.000 đồng và Biên lai thể hiện việc ông L nộp thay bị cáo số tiền truy thu 5.000.000 đồng và 1.842.500 đồng án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, thừa nhận việc kết tội của Tòa án cấp sơ thẩm đối với mình là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, vì đang bị tạm giam nên bị cáo đã liên lạc nhờ bố để là ông L thực hiện việc bồi thường dân sự cho anh S, anh Đ và nộp tiền truy thu, án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ông Trần Văn L xác nhận lời khai của bị cáo về việc nhờ ông bồi thường dân sự và nộp tiền truy thu, án phí theo bản án sơ thẩm như bị cáo khai tại phiên tòa là đúng. Ông không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả ông số tiền ông đã bồi thường và nộp nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình

sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tự nguyện bồi thường cho các bị hại, nộp tiền truy thu, án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 22/11/2021 đến ngày 21/12/2021, Trần Quốc Đ đã nói dối Đ là nhân viên ngân hàng, có thể thực hiện thủ tục vay tiền của ngân hàng không cần thế chấp tài sản làm cho chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Phạm Xuân C, anh Bùi Văn H, anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Văn Đ tin tưởng, nhờ Đ làm hồ thủ tục vay vốn ngân hàng và chuyển cho Đ tổng số tiền làm hồ sơ vay vốn là 67.500.000 đồng, cụ thể: Chị H chuyển 15.650.000 đồng; anh C chuyển 16.000.000 đồng; anh H chuyển 3.000.000 đồng; anh S chuyển 20.350.000 đồng; anh Đ chuyển 12.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Đ không làm hồ sơ vay tiền ngân hàng mà bỏ đi ở nơi khác, xóa phương thức liên lạc với người nhờ vay tiền và chi tiêu hết số tiền đã nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Về tội danh bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội 02 lần trở lên), các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, người phạm tội tự thú; người phạm tội thành khẩn khai báo; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) theo quy định tại điểm điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, hình phạt 36 tháng tù cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường tiếp cho 02 bị hại còn lại và nộp tiền truy thu, án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện bị cáo có sự ăn năn hối cải, có ý thức chấp hành pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần áp dụng thêm cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho các bị hại nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giảm một phần hình phạt cho bị cáo

cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đảm bảo được nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc Đ.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2021.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Quốc Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- Công an thành phố Hải Dương;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm